TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-ST

Ngày: 30 – 5 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long

Ông Thái Trung Nghĩa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Âu H Mến - Kiểm sát Vên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A. Địa chỉ: phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, chức vụ: Giám đốc N hàng A – Chi nhánh thị xã VC. Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Thạch S, sinh năm 1966. Địa chỉ: khóm R, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lý Thị Na V, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm R, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2/ Bà Thạch Thị N, sinh năm 1997. Địa chỉ: khóm R, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Triệu L. Nơi công tác Hòa giải Vên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 12 năm 2022 (BL01-02) của nguyên đơn Ngân hàng A cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày:

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, Ngân hàng A và ông Thạch S đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD. Theo Hợp đồng, Ngân hàng A đã cho ông Thạch S vay số tiền 100.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Nuôi tôm; lãi suất 10,5%/năm; thanh toán trả lãi theo quý, trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn; thời hạn vay là 36 tháng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, ông Thạch S đã tự nguyện giao cho Ngân hàng A giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Không ký kết hợp đồng thế chấp tài sản) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 128764, có diện tích 16.444 m^2 (loại đất: Ao.t: 14.975 m^2, ĐM: 1.469 m^2); thửa số 65,118; tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại khóm R, Phường A, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện VC (nay là thị xã Vĩnh Châu) cấp cho Hộ Lý T ngày 03 tháng 02 năm 1998, số vào sổ: 0199 QSDĐ/58070809.

Tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2023 ông Thạch S còn nợ: 130.013.099 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.106.849 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.906.250 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch S và bà Lý Thị Na V cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A tạm tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2023 là: 130.013.099 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.106.849 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.906.250 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019, kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2023 cho đến ngày thực tế ông Thạch S, bà Lý Thị Na V trả hết nợ gốc cho Ngân hàng A. Đối với yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý kê biên tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Thạch S đã tự nguyện giao cho Ngân hàng A giữ để đảm bảo cho khoản vay thì Ngân hàng A xin rút lại phần yêu cầu này không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn ông Thạch S tại phiên hòa giải ngày 24/3/2023 (BL35-37) cũng như tại phiên tòa: Ông S thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng A và chưa có thanh toán nợ cho Ngân hàng A là đúng như Ngân hàng A đã khởi kiện, tuy nhiên hiện nay ông S không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng A được, yêu cầu Ngân hàng A cho ông S có thời gian để ông S bán đất trả nợ cho Ngân hàng A, trường hợp không bán

được đất ông S đồng ý giao quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A để phát mãi thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Chứng cứ được thu thập đầy đủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn Ngân hàng A là 130.013.099 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.106.849 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.906.250 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019, kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Quyết định nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Thị Na V, bà Thạch Thị N nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt Lý Thị Na V, bà Thạch Thị N theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng A có ký Hợp đồng tín dụng 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019 với bên vay ông Thạch S, mục đích vay để nuôi tôm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S có nghĩa vụ thực hiện trả tiền vốn vay và tiền lãi còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng A với bị đơn ông Thạch S là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở khóm Đai Rụng, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về Vệc yêu cầu bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V cùng liên đới trả tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/5/2023) với tổng số tiền là 130.013.099 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.106.849 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.906.250 đồng.

[4.1] *Xét Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019 Hội đồng xét xử thấy*: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 24/4/2019 ông S tiền vay của N hàng là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn 10,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng A nhiều lần đôn đốc ông S thực hiện trả nợ gốc và lãi, nhưng ông S vẫn không thực hiện nên đã V phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận và khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, các đương sự thừa nhận không ai phản đối tình tiết đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về Vệc bị lừa dối, đe doạ, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi tôm là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều kiện cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Mặc dù bà V không có ký vào Hợp đồng tín dụng nhưng có ký vào hợp đồng ủy quyền với nội dung ký kết hợp đồng tín dụng, ký nhận nợ, ký nhận tiền, rút tiền, trả nợ gốc, nợ lãi mục đích vay tiền N hàng về để nuôi tôm kiếm lời nhằm để sinh hoạt chung trong gia đình. Nên căn cứ theo khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A, buộc ông Thạch S và bà Lý Thị Na V cùng liên đới thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (30/5/2023) là 130.013.099 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 31/5/2023 cho đến khi trả hết nợ vay và các nghĩa vụ tương ứng khác là có căn cứ để chấp nhận.

[4.2] Đối với nợ lãi: Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019 có lãi suất thỏa thuận 10,5%/năm, đây là lãi suất do các bên thỏa thuận và không vi phạm các quy định của pháp luật về lãi suất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S vi phạm nghĩa vụ trả lãi và bị Ngân hàng A xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông S phải trả nợ lãi trên dư nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/5/2023 với số tiền 130.013.099 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc: 100.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 24.106.849 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.906.250 đồng và xin rút lại yêu cầu xử lý kê biên tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Thạch S đã tự nguyện giao cho Ngân hàng A giữ để đảm bảo cho khoản vay nợ là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Đối với bị đơn yêu cầu Ngân hàng A cho thời gian để ông Thạch S bán đất trả nợ cho Ngân hàng A, trường hợp không bán được đất ông S đồng ý giao quyền sử dụng đất cho Ngân hàng A để phát mãi thu hồi nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn giao cho Ngân hàng A giữ làm tin, nhưng bị đơn cũng không có yêu cầu gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng A đang giữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Vện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 31/5/2023) bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V còn phải liên đới tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V có nghĩa vụ liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11- 01 - 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt V phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn ông Thạch S.

Buộc bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V cùng liên đới thanh toán cho Ngân hàng A, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/5/2023) bao gồm các khoản sau:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 24.106.849 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 5.906.250 đồng.

Tổng cộng 130.013.099 đồng (một trăm ba mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm chín mươi chín đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 31/5/2023) ông Thạch S, bà Lý Thị Na V còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7606LAV201900590/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2019 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn ông Thạch S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị Na V phải liên đới chịu 6.500.655 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng A không phải chịu án phí sơ thẩm, Ngân hàng A được nhận lại số

tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.562.421 đồng (ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi mốt đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006137, ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng